

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (gọi tắt là *Chương trình giảm nghèo*) trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020, cụ thể như sau:

A. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020

I. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành như:

- Các Kế hoạch của UBND tỉnh: Số 15/KH-UBND ngày 15/02/2020 về việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo tỉnh năm 2020; số 35/KH-UBND ngày 28/02/2020 về tổng kết việc thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 13/3/2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh về công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2016 - 2020;

- Các Quyết định của UBND tỉnh về giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tỉnh: Số 1046/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 (đợt 1); số 222/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 (đợt 2); số 293/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 (đợt 3);

- Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh năm 2020 (nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh);

- Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình giảm nghèo tỉnh năm 2020 từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh;

- Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh về việc nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả trên địa bàn tỉnh thuộc Chương trình giảm nghèo tỉnh năm 2020;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 20/3/2020 về việc kiểm tra, giám sát Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh năm 2020;

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ngành và địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, chính sách, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc... trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Nhìn chung, trong năm 2020, UBND tỉnh đã kịp thời triển khai, chỉ đạo các sở, ban ngành địa phương triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung Chương trình giảm nghèo.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, đoàn thể tỉnh tiếp tục vận động hội viên, đoàn viên giúp nhau trong thực hiện giảm nghèo bền vững, chung sức xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, nhân dân Phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát cộng đồng trong quá trình thực hiện.

II. Kết quả thực hiện

1. Vốn thực hiện Chương trình

Tổng nguồn vốn đầu tư cho Chương trình giảm nghèo năm 2020 là 488.478,83 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 379.231,8 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 109.247 triệu đồng).

Trong đó:

- Vốn Trung ương: 474.240,8 triệu đồng;
- Vốn địa phương: 14.238 triệu đồng.

2. Dự án 1: Chương trình 30a

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo.

Kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 năm 2020 là: 314.344,8 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển là 304.262,8 triệu đồng (*bao gồm 81.940 triệu đồng hỗ trợ huyện Sơn Hà thoát nghèo*) và vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng là 10.082 triệu đồng.

- Kết quả đầu tư xây dựng 118 công trình hạ tầng. Trong đó, 66 công trình trả nợ đã hoàn thành, chuyển tiếp (*gồm: 13 công trình giao thông, 12 công trình thủy lợi, 24 công trình trường học, 10 công trình sinh hoạt văn hóa, 01 công trình y tế, 04 công trình nước sinh hoạt, 02 công trình dân dụng khác*); 52 công trình khởi công mới, (*bao gồm: 16 công trình giao thông, 4 công trình thủy lợi, 17 công trình trường lớp học, 7 công trình sinh hoạt văn hóa, 5 công trình y tế, 2 công trình nước sinh hoạt, 1 công trình dân dụng khác*). Đến nay, có 60 công trình chuyển tiếp, trả nợ đã hoàn thành; công trình đầu tư mới đang triển khai thực hiện ước đạt 20%. Kết quả giải ngân vốn đầu tư phát triển đến ngày 30/6/2020 là 80.820,2 triệu đồng, tỷ lệ 26,25% so với kế hoạch vốn được giao.

- Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện duy tu bảo dưỡng đã phân khai cho các địa phương, hiện nay các địa phương đang triển khai lập dự toán kinh phí nên chưa giải ngân.

Tiểu dự án 1 giải ngân đến ngày 30/6/2020 là 80.820,2 triệu đồng và đạt tỷ lệ 25,71%.

b) *Tiểu dự án 2:* Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

Kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 năm 2020 là 17.738 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư phát triển: 16.366 triệu đồng và vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: 1.372 triệu đồng.

- Vốn đầu tư phát triển thực hiện đầu tư xây dựng 21 công trình hạ tầng thiết yếu, gồm: 04 công trình giao thông, 01 công trình chợ, 03 công trình trường học, 03 công trình thủy lợi, 07 công trình sinh hoạt cộng đồng, 02 công trình nước sinh hoạt, 01 công trình dân dụng khác. Hiện nay, các công trình đang triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển 5.638,34 triệu đồng, tỷ lệ 34,45%.

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng đã phân khai cho các địa phương, hiện nay các địa phương đang triển khai xây dựng dự toán nên chưa giải ngân.

Tiểu dự án 2 đến ngày 30/6/2020 giải ngân 5.638,34 triệu đồng 31,79%.

c) *Tiểu dự án 3:* Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo.

Kinh phí thực hiện: 57.446 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 48.808 triệu đồng, ngân sách địa phương là 8.638 triệu đồng, để thực hiện các nội dung sau:

- Hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo 25.942 triệu đồng. Trong đó, xây dựng và nhân rộng 07 mô hình giảm nghèo, gồm: Chăn nuôi bò cái địa phương sinh sản, chăn nuôi dê bản địa sinh sản, nuôi heo ky sinh sản, phát triển chăn nuôi heo bản địa (heo cỏ), cải tiến chăn nuôi bò cái lai Zebu F2, phát triển chăn nuôi gà ta (gà kiến), nhân rộng mô hình cam sành.

- Hỗ trợ chăm sóc, giao khoán, bảo vệ rừng với kinh phí 22.481 triệu đồng;

- Hỗ trợ mua vắc xin tiêm phòng gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện nghèo với kinh phí 5.123 triệu đồng;

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển 3.900 triệu đồng.

Hiện nay các địa phương, đơn vị đang triển khai thực hiện nên chưa giải ngân.

d) *Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.*

Kinh phí thực hiện 4.138 triệu đồng để tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cán bộ xuất khẩu lao động và tuyên truyền viên cơ sở làm công tác tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài các thông tin về lao động; đặt hàng với cơ sở đào tạo, doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài để đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hiện nay, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức 6 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 210 cán bộ làm công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở làm công tác tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Nội dung khác các địa phương đang triển khai thực hiện. Tiểu dự án 4 hiện nay chưa giải ngân.

Kết quả, đến ngày 30/6/2020 đã có 75 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*Trong đó: 15 người lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số; 22 người lao động thuộc hộ cận nghèo; 38 người lao động thuộc các đối tượng khác*), đạt tỷ lệ 6,58% so với kế hoạch. Hiện có 146 người lao động đang chờ xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài.

3. Dự án 2: Chương trình 135

a) *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBK, xã an toàn khu; các thôn ĐBK.*

- Tổng kinh phí thực hiện là: 62.928 triệu đồng (*vốn Trung ương là 62.878 triệu đồng, vốn địa phương là 50 triệu đồng*). Trong đó, vốn đầu tư phát triển là 58.603 triệu đồng (*bao gồm 5.000 triệu đồng tỉnh chưa phân khai*), vốn sự nghiệp là 4.325 triệu đồng.

- Về kết quả thực hiện:

+ Đối với nguồn vốn đầu tư: Thực hiện đầu tư cho 122 công trình cơ sở hạ tầng. Trong đó, có 35 công trình trả nợ, chuyển tiếp (*gồm: 23 công trình giao thông, 03 công trình thủy lợi, 04 công trình sinh hoạt cộng đồng, 03 công trình nước sinh hoạt, 02 công trình giáo dục*); có 87 công trình đầu tư mới (*gồm: 61 công trình giao thông, 16 công trình thủy lợi, 05 công trình sinh hoạt cộng đồng, 04 công trình nước sinh hoạt 01 công trình dân dụng khác*). Hiện nay các công trình trả nợ, chuyển tiếp đã hoàn thành, các công trình đầu tư mới đang triển khai thực hiện. Kết quả giải ngân vốn đầu tư 28.049,03 triệu đồng, tỷ lệ 47,86%.

+ Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng đã phân khai cho các địa phương, hiện nay các địa phương đang triển khai xây dựng dự toán nên chưa giải ngân

Tiểu dự án 1 giải ngân đến ngày 30/6/2020 là 28.049,03 triệu đồng, tỷ lệ 44,57%.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn.

Tổng kinh phí thực hiện 16.479 triệu đồng (ngân sách Trung ương) để thực hiện các nội dung như sau:

- Xây dựng và thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế với kinh phí 13.183 triệu đồng;
- Xây dựng và nhân rộng mô 04 hình giảm nghèo có hiệu quả với kinh phí 3.296 triệu đồng, gồm các mô hình: Chăn nuôi dê bản địa sinh sản, chăn nuôi bò cái địa phương sinh sản, phát triển chăn nuôi gà ta (gà kiến), chăn nuôi trâu cái nội sinh sản.

Hiện nay, các địa phương đang triển khai xây dựng dự án.

c) Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn đặc biệt khó khăn.

Ngân sách Trung ương bố trí: 3.028 triệu đồng, UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch, Ban Dân tộc tỉnh đang triển khai thực hiện nên chưa giải ngân.

4. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

Kinh phí thực hiện 3.574 triệu đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương là 874 triệu đồng, ngân sách địa phương là 2.700 triệu đồng để thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng và hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (trồng cây ăn quả và phát triển chăn nuôi) với kinh phí 3.312 triệu đồng.
- Xây dựng và nhân rộng 01 mô hình giảm nghèo có hiệu quả (*nuôi bò cái Zebu sinh sản*) với kinh phí 262 triệu đồng cho 19 hộ tham gia.

Hiện nay, các địa phương đang triển khai xây dựng dự án.

5. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Ngân sách Trung ương bố trí: 4.138 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp). Trong đó, ngân sách Trung ương 1.638 triệu đồng, vốn địa phương (ngân sách tỉnh) 2.500 triệu đồng.

a) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo: Kinh phí 788 triệu đồng để thực hiện các nội dung như sau:

- Ký hợp đồng với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh (PTQ) xây dựng 04 chuyên mục tuyên truyền giảm nghèo bền vững trên sóng PTQ nội dung, cơ chế về chính sách giảm nghèo, gương thoát nghèo, các mô hình, dự án giảm nghèo có hiệu quả; tăng tính tự chủ và tính trách nhiệm của các bên trong tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo tại địa phương; nâng cao nhận thức về tính trách nhiệm, ý thức tự vươn lên thoát nghèo cho người nghèo và 01 chuyên đề tổng kết thành tựu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.

- Ký hợp đồng với Báo Quảng Ngãi, Báo Lao động xã hội mỗi đơn vị 05 số, tuyên truyền về chính sách giảm nghèo, gương thoát nghèo, các mô hình, dự án giảm nghèo có hiệu quả; tăng tính tự chủ và tính trách nhiệm của các bên trong tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo tại địa phương; nâng cao nhận thức về tính trách nhiệm, ý thức tự vươn lên thoát nghèo cho người nghèo.

- Ký hợp đồng với Báo Quảng Ngãi xây dựng 04 chuyên mục tuyên truyền giảm nghèo bền vững, tuyên truyền trên trang Truyền hình Báo điện tử Quảng Ngãi với nội dung, cơ chế về chính sách giảm nghèo, gương thoát nghèo, các mô hình, dự án giảm nghèo có hiệu quả; tăng tính tự chủ và tính trách nhiệm của các bên trong tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo tại địa phương; nâng cao nhận thức về tính trách nhiệm, ý thức tự vươn lên thoát nghèo cho người nghèo và 01 chuyên đề tổng kết thành tựu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 tuyên truyền trên trang Truyền hình Báo điện tử Quảng Ngãi.

b) Hoạt động giảm nghèo về thông tin: Kinh phí: 3.350 triệu đồng.

Các sở, ngành và UBND các huyện miền núi đang rà soát, tổng hợp đề thống nhất đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin, tuyên truyền cổ động tại 29 xã đặc biệt khó khăn thuộc các huyện miền núi: Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long và Ba Tơ. Trên cơ sở đó, tổ chức triển khai mua sắm theo quy định hiện hành. Dự kiến hoàn thành mua sắm và cung cấp cho các huyện đưa vào sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2020.

6. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Ngân sách Trung ương bố trí 1.924 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp.

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Kinh phí thực hiện là 1.024 triệu đồng.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững định kỳ và đột xuất năm 2020 tại các huyện, thị xã, thành phố và các xã trong tỉnh. Tổ chức nâng cao năng lực cho cán bộ cấp huyện, xã, thôn. Bố trí kinh phí cho cán bộ tỉnh đi tập huấn tại Trung ương và đi công tác tại địa phương về lĩnh vực giảm nghèo. Tổ chức hội nghị tổng kết Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

b) UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT: Kinh phí thực hiện là 900 triệu đồng; tổ chức kiểm tra theo chuyên đề; các địa phương tổ chức giám sát và nâng cao năng lực tại cơ sở.

Dự án 5, hiện các sở, ngành và địa phương đang triển khai thực hiện và giải ngân 25,845 triệu đồng, tỷ lệ 1,34%.

(Cụ thể theo phụ lục đính kèm)

7. Các chính sách giảm nghèo đặc thù riêng của tỉnh:

Thực hiện Kết luận số 1340-KL/TU ngày 13/5/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đang đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến đối với việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Đề án thực hiện thí điểm Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn 02 huyện: Sơn Tây và Tây Trà, trong năm 2018 (gọi tắt là Đề án) để tiếp tục thực hiện trong năm 2020 trên địa bàn huyện Sơn Tây và một số xã thuộc huyện Trà Bồng (huyện Tây Trà cũ).

- UBND tỉnh đang chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn cho các địa phương tổ rà soát đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh, gửi Sở Tài chính đang thẩm định để trình UBND tỉnh quyết định kinh phí thực hiện.

8. Các chính sách giảm nghèo chung

Trong năm 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo đảm bảo, kịp thời, cụ thể: Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho 19.286 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và chính sách khác với doanh số cho vay 740.385 triệu đồng; xây dựng nhà ở cho 120 hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; dạy nghề cho 71 lao động là người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK thông qua Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn; hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho 19.958 học sinh, sinh viên với kinh phí 10.157 triệu đồng; tổ chức trợ giúp pháp lý cho 77 lượt người nghèo, người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với kinh phí thực hiện 81 triệu đồng; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 412.995 người nghèo, cận nghèo, DTTS và người sống ở xã ĐBKK, huyện đảo với kinh phí 347.542 triệu đồng; hỗ trợ tiền điện cho 34.042 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với kinh phí 11.546 triệu đồng và trợ cấp bảo trợ xã hội cho 85.417 đối tượng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ với kinh phí 199.538 triệu đồng.

9. Kết quả thực hiện hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Đã phê duyệt 150.267 đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, với tổng kinh phí phê duyệt hỗ trợ là 112.695,25 triệu đồng. Đã chi trả cho khoảng 142.945 đối tượng, với kinh phí khoảng 106.982,35 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 94,93% trên kinh phí phê duyệt.

10. Các hoạt động liên quan đến công tác giảm nghèo

Các ngành, đoàn thể tỉnh (*Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, ...*) trong 6 tháng đầu năm 2020 đã tổ chức huy động các nguồn lực xã hội trên 25 tỷ đồng để thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác giảm nghèo như: Thăm và tặng quà cho gia đình, trẻ em các có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện phòng trào "Chung tay vì người nghèo"; hỗ trợ sửa chữa nhà ở; hỗ trợ cây trồng, vật nuôi để phát triển kinh tế gia đình; tổ chức khám, chữa bệnh cho người người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; xây dựng công trình giao thông, nông thôn...

11. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu Chương trình

- Kết quả thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo:

+ Cả tỉnh: Ước thực hiện đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 6,07%; bình quân giảm 1,82%/năm; đạt mục tiêu đề ra (1,5-2%/năm).

Trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số ước thực hiện đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 25,59%; bình quân giảm 5,55%; vượt 1,55% so với mục tiêu đề ra (3-4%/năm).

+ Huyện nghèo theo Nghị quyết 30a: Ước thực hiện đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 20,52%; bình quân giảm 5,25%/năm; vượt 1,25% so với mục tiêu đề ra (4%/năm).

- Có 01 huyện nghèo (*huyện Sơn Hà*) thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, đạt 33,33% (1/3 huyện) so với kế hoạch đến năm 2020. Hiện huyện Tây Trà sáp nhập vào huyện Trà Bồng. Như vậy, đến nay có 2/3 huyện thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, đạt 66,66% so với kế hoạch năm 2020.

- Có 11 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn (đạt chuẩn nông thôn mới, lên phường), đạt tỷ lệ 183,3% so với kế hoạch đến năm 2020 (06 xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn).

- Có 03 xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, đạt 25% so với kế hoạch (12 xã). Ước thực hiện đến cuối năm 2020 đạt 100% so với kế hoạch.

- Có 15 thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, đạt 83,33% (15/18 thôn).

- 173 đơn vị cấp xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn và theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đạt 100% so với kế hoạch.

- 71,57% thôn có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn và theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đạt 89,41%.

- 89,6% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 89,6% so với kế hoạch đến cuối năm 2020.

- 98,94% xã có trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đạt 98,4% so với kế hoạch.

- 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân, đạt 100% so với kế hoạch đến cuối năm 2020.

- 61% xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 76,25% so với kế hoạch đến cuối năm 2020.

- Các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho 67,8% diện tích cây trồng hằng năm, đạt tỷ lệ 90,4% so với kế hoạch đến cuối năm 2020.

- Đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho 2.034 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, đạt tỷ lệ 169,5% so với kế hoạch đến năm 2020. Trong đó: 62,14% lao động đi làm việc ở nước ngoài (tương đương 1.189 lao động), đạt tỷ lệ 88,77% so với kế hoạch đến cuối năm 2020 (từ 70% -80%).

- 3,8% xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời, đạt tỷ lệ 7,49% so với kế hoạch đến năm 2020.

- 06 huyện có trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch đến năm 2020; xã có trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động, chiếm tỷ lệ 0%.

- 93,3% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 98,21% so với kế hoạch đến năm 2020.

- Hỗ trợ cho 153 hộ nghèo dân tộc thiểu số bộ phương tiện nghe - nhìn để xem các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương và địa phương, đạt tỷ lệ 76,5% so với kế hoạch đến năm 2020.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trường thôn được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia; xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch.

- 100% cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động, đạt 100% so với kế hoạch.

- 100% hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác, đạt tỷ lệ 111% so với kế hoạch đến cuối năm 2020.

III. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tạo được phong trào phấn đấu giảm nghèo trong cả tỉnh theo phương châm phát huy nội lực cộng đồng, các tầng lớp dân cư, kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước, thu hút sự tham gia của toàn xã hội, các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang nên các dự án giảm nghèo năm 2020 được triển khai thực hiện đến từng cơ sở, cộng đồng và người dân.

- Nguồn vốn đầu tư được phân khai sớm cho các địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương tổ chức thực hiện.

2. Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

- Nguồn kinh phí sự nghiệp chưa giải ngân, nguyên nhân: Do thực hiện việc giãn cách xã hội của đại dịch Covid-19 nên nguồn kinh phí sự nghiệp phân khai chậm, bên cạnh đó các địa phương chưa chủ động xây dựng kế hoạch trước khi nguồn vốn được phân khai, chỉ xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện khi nguồn kinh phí được phân khai. Đặc biệt trong những tháng đầu năm do đại dịch Covid-19 làm ảnh hưởng rất lớn đến tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động của dự án, tiểu dự án.

- Số lao động xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài đạt thấp, số lao động chờ xuất cảnh còn nhiều. Nguyên nhân, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 nên hiện nay lao động không thể xuất cảnh được.

- Theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tại Khoản 1 Phần II Công văn số 8539/NHCS-TDSV-TDNN ngày 15/11/2019: *“Đối với đối tượng lao động tại huyện nghèo để được cho vay theo Quyết định 27/2019/QĐ-CP ngày 09/9/2019 thì người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải chứng minh bằng bản Hợp đồng cung ứng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp theo quy định”*. Nội dung này không có quy định về hồ sơ vay vốn tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, việc vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội của một số lao động gặp rất nhiều khó khăn.

B. Nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2020

1. Tập trung chỉ đạo thực hiện những nội dung của các Dự án, Tiểu dự án theo kế hoạch đã đề ra, đảm bảo hoàn thành kế hoạch trong năm. Trong đó, chú trọng nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình hạ tầng, hoàn thiện các thủ tục hồ sơ giải ngân đảm bảo theo quy định.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác tuyên truyền để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Căn cứ tình hình, điều kiện của địa phương bố trí kinh phí ngân sách, huy động các nguồn vốn khác nhằm đảm bảo nguồn lực thực hiện Chương trình giảm nghèo đạt hiệu quả, hoàn thành kế hoạch, mục tiêu đề ra.

4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; trong đó tập trung kiểm tra, đánh giá hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; chỉ đạo nâng cao trách nhiệm trong công tác tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp thiết thực để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, đảm bảo kịp thời và hiệu quả, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kế hoạch đã đề ra.

C. Kiến nghị

Kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm, xem xét:

- Có ý kiến với Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, thống nhất hướng dẫn tháo gỡ các vướng mắc tại Công văn số 8539/NHCS-TDSV-TDNN ngày 15/11/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 1, 2 Điều 2 và Khoản 1, 2 Điều 6 Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020. Đồng thời, hướng dẫn cụ thể các Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh thực hiện cho vay tín dụng đối với người lao động tại các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được vay vốn dễ dàng, thuận lợi.

- Chỉ đạo Cục Quản lý lao động ngoài nước có văn bản hướng dẫn cụ thể nội dung: "*Hợp đồng cung ứng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp theo quy định*".

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (b/cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/cáo);
- Bộ Tài chính (b/cáo);
- Ủy Ban Dân tộc (b/cáo);
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành là thành viên Ban chỉ đạo các CTMTQG tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP (KT), TH, KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KT.bngoc219

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

Phụ lục 1

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
tính 6 tháng đầu năm 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 31/7/2020
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
A	Dự án 1 Chương trình 30a	Triệu đồng	396,407.83	86,463.27	21.81
I	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo	Triệu đồng	314,345	80,824.9	25.71
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	314,344.8	80,824.9	25.71
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	304,262.8	80,824.9	26.56
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	10,082.0	0.0	0.00
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	314,344.8	80,824.9	25.71
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	304,262.8	80,824.9	26.56
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	10,082.0	0.0	0.00
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0.0	0.0	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	0.0		
	- Sự nghiệp	Triệu đồng			
1.3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình	52	0	
	Công trình giao thông	Công trình	16		
	Công trình thủy lợi	Công trình	4		
	Công trình trường học	Công trình	17		
	Công trình văn hoá	Công trình	7		
	Công trình y tế	Công trình	5		
	Công trình điện	Công trình	2		
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình	1		
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp, trả nợ (theo từng loại công trình)	Công trình	66	48	
	Công trình giao thông	Công trình	13	8	
	Công trình thủy lợi	Công trình	12	12	
	Công trình trường học	Công trình	24	16	
	Công trình văn hoá	Công trình	10	5	
	Công trình y tế	Công trình	1	1	
	Công trình đài phát thanh	Công trình			
	Nước sinh hoạt	Công trình	4	4	
	Công trình khác	Công trình	2	2	
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình	0	0	
	Công trình trường học	Công trình			
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình			
	Công trình sinh hoạt cộng đồng	Công trình			
	Công trình giao thông	Công trình			
	Công trình thủy lợi	Công trình			
	Công trình điện	Công trình			
	Công trình khác	Công trình			
II	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Triệu đồng	17,738.00	5,638.34	31.79
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	17,738.00	5,638.34	31.79
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	16,366.00	5,638.34	34.45
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	1,372	0	0.00
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	17,388	5,638	32.43
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	16,016.00	5,638.34	35.20
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	1,372.00	0.00	0.00

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	350	0	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	350		
	- Sự nghiệp	Triệu đồng			
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện	Công trình			
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình	19	0	
	Công trình giao thông	Công trình	4		
	Công trình chợ	Công trình	1		
	Công trình trường học	Công trình	2		
	Công trình thủy lợi	Công trình	2		
	Công trình nhà sinh hoạt cộng đồng	Công trình	7		
	Công trình trạm y tế	Công trình			
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình	2		
	Công trình đường nội đồng	Công trình			
	Công trình khác	Công trình	1		
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp, trả nợ (theo từng loại công trình)	Công trình	2	0	
	Công trình chợ	Công trình			
	Công trình trường học	Công trình	1		
	Công trình thủy lợi	Công trình	1		
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình	0	0	
	Công trình trường học	Công trình			
	Công trình sinh hoạt cộng đồng	Công trình			
	Công trình giao thông	Công trình			
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình			
	Công trình chợ	Công trình			
	Công trình thủy lợi	Công trình			
	Công trình trạm y tế	Công trình			
III	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Triệu đồng	57,446	0	0.00
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	57,446	0	
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	48,808		
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	8,638		
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Huyện nghèo				
	- Số dự án PTSX				
	+ Số người được hỗ trợ	Người			
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án			
					
	- Số mô hình NRMHGN				
	+ Số người được hỗ trợ	Người			
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình			
	Trồng cây bơ xen cây ổi				
	Chăn nuôi trâu đực				
2.2	Xã ĐBKK vùng bãi ngang				
	- Số dự án PTSX				
	+ Số người được hỗ trợ	Người			
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án			
	- Số mô hình NRMHGN				
	+ Số người được hỗ trợ	Người			
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình			
	Tưới béc phun mưa cho cây hành, tỏi				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
	Nuôi bò cái lai sinh sản				
IV	Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Triệu đồng	6,879	0.00	0.00
1	Tổng ngân sách, gồm	Triệu đồng	6,879	0.00	0.00
	- Chia theo nguồn ngân sách				
	+ Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	6,879		
	+ Ngân sách địa phương	Triệu đồng			
	+ Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện	Người			
2.1	Tổng số lao động được hỗ trợ thủ tục xuất cảnh	Người	0	0	
	Chia theo đối tượng:				
	- Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người			
	- Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người			
	- Lao động thuộc các đối tượng khác	Người			
2.2	Tổng số lao động đã xuất cảnh	Người	1140	75	
	- Chia theo đối tượng:				
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người	228	15	
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người	342	22	
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người	570	38	
2.3	Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn				
2.3.1	Nâng cao năng lực cán bộ				
	- Số lớp nâng cao năng lực được thực hiện	Lớp	8	5	
	- Số cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực	Người	360	210	
2.3.2	Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng				
	- Số người làm công tác tư vấn trực tiếp cho người lao động ở địa phương	Người			
	- Số buổi tuyên truyền, vận động được hỗ trợ từ ngân sách/nguồn huy động	Buổi			
2.4	Tư vấn, giới thiệu việc làm sau khi người lao động về nước tại địa phương				
	- Số lao động được tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước	Người	150		
	- Số lao động có việc làm sau khi được tư vấn	Người	20		
B	Chương trình 135	Triệu đồng	82,435.0	28,049.03	34.03
I	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK	Triệu đồng	62,928.0	28,049.03	44.57
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	62,928.0	28,049.0	44.6
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	58,603	28,049.03	47.86
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	4,325	0.00	0.00
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	62,878.0	28,049.03	44.61
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	58,553.00	28,049.03	47.90
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	4,325.00	0.00	0.00
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	50	0	
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	50		
	- Sự nghiệp	Triệu đồng			
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình	87	-	
	Công trình giao thông	Công trình	61		
	Công trình thủy lợi	Công trình	16		
	Công trình điện	Công trình			
	Công trình sinh hoạt động đồng	Công trình	5		
	Trạm phát thanh	Công trình			

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình	4		
	Công trình giáo dục	Công trình			
	Công trình khác	Công trình	1		
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp, trả nợ (theo từng loại công trình)	Công trình	35	35	
	Công trình giao thông	Công trình	23	23	
	Công trình thủy lợi	Công trình	3	3	
	Công trình điện	Công trình		-	
	Công trình sinh hoạt động đông	Công trình	4	4	
	Trạm phát thanh	Công trình		-	
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình	3	3	
	Công trình giáo dục	Công trình	2	2	
	Công trình khác	Công trình	-	-	
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình	-	-	
	Công trình giao thông	Công trình			
	Công trình thủy lợi	Công trình			
	Công trình sinh hoạt động đông	Công trình			
	Công trình nước sinh hoạt	Công trình			
	Công trình giáo dục	Công trình			
3	Tổng số xã	Xã	47		
4	Tổng số thôn bản	Thôn bản	32		
II	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK	<i>Triệu đồng</i>	16,479	0	0.00
1	Tổng ngân sách	<i>Triệu đồng</i>	16,479	0	0.00
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	16,479.00		0.00
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0.00		
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện				
	- Số dự án PTSX				
	+ Số người được hỗ trợ	Lượt hộ	0	0	
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án	0	0	
	Hỗ trợ giống cây trồng	cây	0	0	
	Hỗ trợ giống vật nuôi	con	0	0	
	Hỗ trợ vật tư sản xuất	kg	0	0	
	Hỗ trợ công cụ sản xuất	máy móc, công cụ	0	0	
	Tập huấn				
	- Số mô hình NRMHGN				
	+ Số người được hỗ trợ	Người			
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình			
	Mô hình Phát triển chăn nuôi bò cái Zebu sinh sản gắn với trồng cỏ				
	Mô hình chăn nuôi dê lai sinh sản				
III	Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK	<i>Triệu đồng</i>	3,028	0.00	0.00
1	Tổng ngân sách	<i>Triệu đồng</i>	3,028	0.00	0.00
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	3,028.00		0.00
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0		
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)				
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp			

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ			
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)				
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp			
	+ Học tập kinh nghiệm	Chuyên			
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người			
C	Dự án 3: hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững (trên địa bàn xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a)	Triệu đồng	3,574	0	0.00
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	3,574	0	
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	874		
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	2,700		
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện				
	- Số dự án PTSX				
	+ Số người được hỗ trợ	Người	0	0	
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án	0	0	
	- Số mô hình NRMHGN				
	+ Số người được hỗ trợ	Người	0	0	
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình			
	Mô hình nuôi cá chình thương phẩm	Mô hình			
	Mô hình chăn nuôi gà	Mô hình			
	Mô hình nuôi bò lai sinh sản	Mô hình			
D	Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	Triệu đồng	4,138	0	0.00
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng	4,138	0	0.00
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	0	0	
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	4,138	0	0.00
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	1,638	0	0.00
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng			
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	1,638.00		0.00
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng			
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng			
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	2,500		
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện				
2.1.	Hoạt động truyền thông về giảm nghèo				
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:				
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình			
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình			
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:				
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình			
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình			
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:				
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm			
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip			
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm			100
	+ Số lượng pano	Cái			
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc			
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc			
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:				
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm			
	+ Số lượng sách	Cuốn			

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo				
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại			
	+ Số người tham gia đối thoại	Người			
	- Tổ chức thi chính sách giảm nghèo	Cuộc			
	- Số cuộc truyền thông qua cuộc họp thôn				
	+ Số cuộc	Cuộc			
	+ Số người tham dự	Người			
2.2.	Hoạt động giảm nghèo về thông tin				
	- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Cán bộ			
	- Số hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin	Hộ			
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:				
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình			
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình			
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:				
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình			
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình			
	- Số lượng sách chuyên đề do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:				
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm			
	+ Số lượng sách	Cuốn			
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:				
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm			
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip			
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	ấn phẩm			
	- Số lượng phương tiện nghe - xem được hỗ trợ	Phương tiện			
	- Số lượng huyện được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Huyện			
	- Số lượng xã được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Xã			
	- Số lượng xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động	Xã			
	- Số lượng điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời có ở xã	Điểm			
	- Số Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương được đầu tư	Cụm			
E	Dự án 5: Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình	Triệu đồng	1924	0	0.00
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	1924	0	0.00
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	1,924		0.00
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0		
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
2	Kết quả thực hiện				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)				
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp			
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ			
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)				
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp			
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người			

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện	
				Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	% so với kế hoạch năm 2020
	- Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá				
	+ Số đoàn kiểm tra (số đoàn theo phân cấp tỉnh, huyện)	Đoàn			
	Tổng kinh phí	Triệu đồng	488,478.83	114,512.30	23.44
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	379,231.8	114,512.3	30.20
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	109,247.0	0.0	0.00
	- Huy động nguồn khác	Triệu đồng	0.0	0.0	
1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng	474,240.8	114,512.3	24.15
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	378,831.8	114,512.3	30.23
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	95,409.0	0.0	0.00
2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	14,238.0	0.0	0.00
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng	400.0	0.0	0.00
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	13,838.0	0.0	0.00
3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng	0.0	0.0	0.00